



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

ես
es

bạn
đại từ

դու
tu

anh ấy

նա
na

cô ấy

նա
na

nó

այն
ayn

chúng tôi / chúng ta

մենք
menk'

các bạn

դուք
tuk'

họ

նրանք
nrank'

cái gì

ինչ
inch'

ai

ով
ov

ở đâu

որտեղ
ordegh

tại sao

ինչու
inch'u

làm sao

ինչպես
inch'bes

cái nào

որը
orë

lúc nào

երբ
erp

sau đó

ապա
aba

nếu

եթե
et'e

thật sự

իսկապես
isgabes

nhưng

բայց
payts'

bởi vì

որովհետև
orovhedev

không

ոչ
och'

này

այս
ays

đó
vật

այդ
ayt

tất cả

բոլոր
polor

hoặc

կամ
gam

và

և
ev

đây

այստեղ
aysdegh

đó
địa điểm

այնտեղ
ayndegh

trái

ձախ
tsakh

phải

աջ
ach

bây giờ

հիմա
hima

buổi chiều

կեսօրից հետո
gesōrits' hedo

buổi sáng
9:00-11:00

առավոտ
aravod

ban đêm

գիշեր
kisher

buổi sáng
6:00-9:00

վաղ առավոտ
vagh aravod

buổi tối

երեկո
erego

buổi trưa

կեսօր
gesōr

nửa đêm

կեսգիշեր
geskisher

giờ

ժամ
zham

phút

րոպե
robe

giây

վայրկյան
vayrgyan

ngày

օր
ōr

tuần

շաբաթ
shapatⁱ

tháng

ամիս
amis

năm

տարի
dari

hôm qua

երեկ
ereg

hôm nay

այսօր
aysōr

ngày mai

վաղը
vaghē

thứ hai
ngày

երկուշաբթի
ergushapt'i

thứ ba
ngày

երեքշաբթի
erek'shapt'i

thứ tư
ngày

չորեքշաբթի
ch'orek'shapt'i

thứ năm

հինգշաբթի
hinkshapt'i

thứ sáu

ուրբաթ
urpat'

thứ bảy

շաբաթ
shapat'

chủ nhật

կիրակի
giragi

đàn bà

կին
gin

đàn ông

մարդ
mart

tình yêu

սեր
ser

bạn trai

զուգընկեր
zükənger

bạn gái

զուգընկերուհի
zükəngeruhi

bạn
danh từ

ընկեր
ënger

hôn
danh từ

համբույր
hampuyr

tình dục

սեքս
sek's

trẻ em

երեխա
erekha

con gái
đại cương

աղջիկ
aghchig

con trai
đại cương

տղա
dgha

mẹ

մամ
mam

ba

պապ
bab

má
mẹ

մայրիկ
mayrig

cha

հայրիկ
hayrig

cha mẹ

ծնողներ
dznoghner

con trai
gia đình

որդի
orti

con gái
gia đình

em gái

em trai

դուստր
tusdr

փոքր քույր
p'ok'r k'uyr

փոքր եղբայր
p'ok'r eghpayr

chị gái

anh trai

chồng

մեծ քույր
medz k'uyr

մեծ եղբայր
medz eghpayr

ամուսին
amusin

vợ

mối / mọi

luôn luôn

կին
gin

ամեն
amen

միշտ
mishd

thực ra

lần nữa

đã

իրականում
iraganum

նորից
norits'

արդեն
arten

ít hơn

պակաս
bagas

phần lớn

ամենաշատ
amenashad

nhiều hơn

ավելի շատ
aveli shad

không có

ոչինչ
och'inch'

rất

շատ
shad

ở ngoài

դրսում
trsum

ở trong

ներսում
nersum

xa

հեռու
hevu

gần

մոտ
mod

bên dưới

ստորև
sdorev

bên trên

վերևում
verevum

bên cạnh

կողքին
goghk'in

phía trước

առջև
aṛchev

phía sau

հետև
hedev

mọi người

բոլորը
polorë

cùng nhau

միասին
miasin

khác

այլ
ayl

mùa xuân

գարուն
karun

mùa hè

ամառ
amaṛ

mùa thu

աշուն
ashun

mùa đông

ձմեռ
tsmer

tháng một

հունվար
hunvar

tháng hai

փետրվար
p'edrvār

tháng ba

մարտ
mard

tháng tư

ապրիլ
abril

tháng năm

մայիս
mayis

tháng sáu

հունիս
hunis

tháng bảy

հուլիս
hulis

tháng tám

օգոստոս
ōkosdos

tháng chín

սեպտեմբեր
sebdemper

tháng mười

հոկտեմբեր
hogdemper

tháng mười một

նոյեմբեր
noyemper

tháng mười hai

դեկտեմբեր
tegdemper

bắc

հյուսիս
hyusis

đông

արևելք
arevelk'

nam

հարավ
harav

tây

արևմուտք
arevmudk'

thường xuyên

հաճախ
hajakh

ngay lập tức

անմիջապես
anmichabes

đột ngột

հանկարծակի
hangardzagi

mặc dù

թեւ
t'eev

Số

0

զրո
zro

1

մեկ
meg

2

երկու
ergu

3

երեք
erek'

4

չորս
ch'ors

5

հինգ
hink

6

վեց
vets'

7

յոթ
yot'

8

ութ
ut'

9

ինը
ině

10

տաս
das

11

տասնմեկ
dasnmeg

12

տասներկու
dasnergu

13

տասներեք
dasnerek'

14

տասնչորս
dasnch'ors

15

տասնհինգ
dasnhink

16

տասնվեց
dasnvets'

17

տասնյոթ
dasnyot'

18

տասնութ
dasnut'

19

տասնինը
dasninë

20

քսան
k'san

21

քսանմեկ
k'sanmeg

22

քսաներկու
k'sanergu

26

քսանվեց
k'sanvets'

30

Երեսուն
eresun

31

Երեսունմեկ
eresunmeg

33

Երեսուներեք
eresunerekʻ

37

Երեսունյոթ
eresunyotʻ

40

քառասուն
kʻarasun

41

քառասունմեկ
kʻarasunmeg

44

քառասունչորս
kʻarasunchʻors

48

քառասունութ
kʻarasunutʻ

50

հիսուն
hisun

51

հիսունմեկ
hisunmeg

55

հիսունհինգ
hisunhink

59

հիսունինը
hisunině

60

վաթսուն
vat'sun

61

վաթսունմեկ
vat'sunmeg

62

վաթսուներկու
vat'sunergu

66

վաթսունվեց
vat'sunvets'

70

յոթանասուն
yot'anasun

71

յոթանասունմեկ
yot'anasunmeg

73

յոթանասուներեք
yot'anasunerek'

77

յոթանասունյոթ
yot'anasunyot'

80

ութսուն
ut'sun

81

ութսունմեկ
ut'sunmeg

84

ութսունչորս
ut'sunch'ors

88

ութսունութ
ut'sunut'

90

իննսուն
innsun

91

իննսունմեկ
innsunmeg

95

իննսունհինգ
innsunhink

99

իննսունիկ
innsuninē

100

հարյուր
haryur

101

հարյուր մեկ
haryur meg

105

հարյուր հինգ
haryur hink

110

հարյուր տասը
haryur dasē

151

հարյուր հիսունմեկ
haryur hisunmeg

200

երկու հարյուր
ergu haryur

202

երկու հարյուր երկու
ergu haryur ergu

206

երկու հարյուր վեց
ergu haryur vets⁴

220

երկու հարյուր քսան
ergu haryur k'san

262

երկու հարյուր
վաթսուներկու
ergu haryur vat'sunergu

300

երեք հարյուր
erek' haryur

303

երեք հարյուր երեք
erek' haryur erek'

307

երեք հարյուր յոթ
erek' haryur yot'

330

երեք հարյուր երեսուն
erek' haryur eresun

373

երեք հարյուր յոթանասներեք
erek' haryur yot'anasunerek'

400

չորս հարյուր
ch'ors haryur

404

չորս հարյուր չորս
ch'ors haryur ch'ors

408

չորս հարյուր ութ
ch'ors haryur ut'

440

չորս հարյուր քառասուն
ch'ors haryur k'arasun

484

չորս հարյուր
ութսունչորս
ch'ors haryur ut'sunch'ors

500

հինգ հարյուր
hink haryur

505

հինգ հարյուր հինգ
hink haryur hink

509

հինգ հարյուր ինը
hink haryur inġ

550

հինգ հարյուր հիսուն
hink haryur hisun

595

հինգ հարյուր
իննսունհինգ
hink haryur innsunhink

600

վեց հարյուր
vets' haryur

601

վեց հարյուր մեկ
vets' haryur meg

606

վեց հարյուր վեց
vets' haryur vets'

616

վեց հարյուր տասնվեց
vets' haryur dasnvets'

660

վեց հարյուր վաթսուն
vets' haryur vat'sun

700

յոթ հարյուր
yot' haryur

702

յոթ հարյուր երկու
yot' haryur ergu

707

յոթ հարյուր յոթ
yot' haryur yot'

727

յոթ հարյուր քսանյոթ
yot' haryur k'sanyot'

770

յոթ հարյուր յոթանասուն
yot' haryur yot'anasun

800

ութ հարյուր
ut' haryur

803

ութ հարյուր երեք
ut' haryur erek'

808

ութ հարյուր ութ
ut' haryur ut'

838

ութ հարյուր երեսունութ
ut' haryur eresunut'

880

ութ հարյուր ութսուն
ut' haryur ut'sun

900

ինը հարյուր
ině haryur

904

ինը հարյուր չորս
ině haryur ch'ors

909

ինը հարյուր ինը
ině haryur ině

949

ինը հարյուր
քառասունինը
ině haryur k'arasunině

990

ինը հարյուր իննսուն
ině haryur innsun

1000

հազար
hazar

1001

հազար մեկ
hazar meg

1012

հազար տասներկու
hazar dasnergu

1234

հազար երկու հարյուր
երեսունչորս
hazar ergu haryur eresunch'ors

2000

երկու հազար
ergu hazar

2002

երկու հազար երկու
ergu hazar ergu

2023

երկու հազար քսաներեք
ergu hazar k'sanerek'

2345

երկու հազար երեք
հարյուր քառասունհինգ
ergu hazar erek' haryur k'arasunhink

3000

երեք հազար
erek' hazar

3003

երեք հազար երեք
erek' hazar erek'

4000

չորս հազար
ch'ors hazar

4045

չորս հազար
քառասունհինգ
ch'ors hazar k'arasunhink

5000

հինգ հազար
hink hazar

5678

հինգ հազար վեց հարյուր
յոթանասունութ
hink hazar vets' haryur yot'anasunut'

6000

վեց հազար
vets' hazar

7000

յոթ հազար
yot' hazar

7890

յոթ հազար ութ հարյուր
իննսուն
yot' hazar ut' haryur innsun

8000

ութ հազար
ut' hazar

8901

ութ հազար ինը հարյուր
մեկ
ut' hazar inë haryur meg

9000

ինը հազար
inë hazar

9090

ինը հազար իննսուն
inë hazar innsun

10.000

տաս հազար
das hazar

10.001

տաս հազար մեկ
das hazar meg

20.020

քսան հազար քսան
k'san hazar k'san

30.300

երեսուն հազար երեք
հարյուր
eresun hazar erek' haryur

44.000

քառասունչորս հազար
k'arasunch'ors hazar

100.000

հարյուր հազար
haryur hazar

500.000

հինգ հարյուր հազար
hink haryur hazar

1.000.000

մեկ միլիոն
meg milion

6.000.000

վեց միլիոն
vets' milion

10.000.000

տաս միլիոն
das milion

70.000.000

յոթանասուն միլիոն
yot'anasun milion

100.000.000

հարյուր միլիոն
haryur milion

800.000.000

ութ հարյուր միլիոն
ut' haryur milion

1.000.000.000

մեկ միլիարդ
meg miliart

9.000.000.000

ինը միլիարդ
inė miliart

10.000.000.000

տաս միլիարդ
das miliart

20.000.000.000

քսան միլիարդ
k'san miliart

100.000.000.000

հարյուր միլիարդ
haryur miliart

300.000.000.000

երեք հարյուր միլիարդ
erek' haryur miliart

1.000.000.000.000

մեկ տրիլիոն
meg drilion

Động từ

biết

իմանալ
imanal

nghĩ

մտածել
mdadzel

đến

գալ
kal

đặt

դնել
tnel

lấy

վերցնել
verts'nel

tìm

գտնել
kdnel

nghe

լսել
lssel

làm việc

աշխատել
ashkhadel

nói chuyện

խոսել
khosel

cho

տալ
dal

thích

հավանել
havanel

giúp đỡ

օգնել
ōknel

yêu

սիրել
sirel

gọi

զանգել
zankel

chờ đợi

սպասել
sbaseł

đúng

կանգնել
ganknel

ngồi

նստել
nsdel

đóng

փակել
p'agel

mở
cửa

բացել
pats'el

thua

պարտվել
bardvel

thăng

հաղթել
haght'el

chết

մահանալ
mahanal

sống
động từ

ապրել
abrel

bật

միացնել
miats'nel

tắt

անջատել
anchadel

giết

սպանել
sbanel

làm bị thương

վնասել
vnasel

chạm

դիպչել
tibch'el

xem

դիտել
tidel

uống

խմել
khmel

ăn

ուտել
udel

đi bộ

քայլել
k'aylel

gặp

հանդիպել
hantibel

đặt cược

խաղադրույք կատարել
khaghatruyk' gadarel

hôn
động từ

համբուրել
hampurel

đi theo

հետևել
hedevel

cười

ամուսնանալ
amusnanal

trả lời

պատասխանել
badaskhanel

hỏi

հարցնել
harts'nel

kéo

քաշել
k'ashel

đẩy

հրել
hrel

ấn

սեղմել
seghmel

đánh

հարվածել
harvadzel

bắt

բռնել
pɾnel

chiến đấu

կռվել
grvel

ném

նետել
nedel

chạy
động từ

վազել
vazel

đọc

կարդալ
gartal

viết

գրել
krel

sửa chữa

նւղղել
ughghel

đếm

հաշվել
hashvel

cắt

կտրել
gdrel

bán

վաճառել
vajařel

mua

գնել
knel

trả

վճարել
vjarel

học

սովորել
sovorel

mơ

երագել
erazel

ngủ

քնել
k'nel

chơi

խաղալ
khaghal

ăn mừng

տոնել
donel

thưởng thức

վայելել
vayelel

dọn dẹp

մաքրել
mak'rel

bắn

կրակել
gragel

bảo vệ

պաշտպանել
bashdbanel

tấn công

հարձակվել
hartsagvel

trộm

գողանալ
koghanel

đốt

այրել
ayrel

cứu

փրկել
p'rgel

bay

թռչել
t'rch'el

khắc nhỏ

թքել
t'k'el

đá
động từ

ոտքով հարվածել
odk'ov harvadzel

cẩn

կծել
gdzel

thở

շնչել
shnch'el

ngủ

հոտոտել
hododel

khóc

լացել
lats'el

hát

երգել
erkel

cười mỉm

ծպտալ
zhbdal

cười

ծիծաղել
dzidzaghel

lớn lên

աճել
ajel

co lại

փոքրացնել
p'ok'rats'nel

tranh luận

վիճել
vijel

chia sẻ

կիսել
gisel

cho ăn

կերակրել
geragrel

trốn

թաքնվել
t'ak'nvel

cảnh báo

զգուշացնել
zkushats'nel

bơi

լողալ
loghal

nhảy

ցատկել
ts'adgel

nâng

բարձրացնել
partsrats'nel

đào

փորել
p'orel

giao hàng

առաքել
arax'el

tìm kiếm

փնտրել
p'ndrel

luyện tập

պարապել
barabel

đi du lịch

ճամփորդել
jamp'ortel

vẽ

նկարել
ngarel

mở
khóa

բացել
pats'el

khóa

կողպել
goghbel

rửa

լվանալ
lvanal

cầu nguyện

աղոթել
aghot'el

nấu ăn

պատրաստել
badrasdel

nôn

փսխել
p'skhel

la hét

գրռալ
koräl

trích dẫn

մեջբերել
mechperel

in

տպել
dbel

tính toán

հաշվարկել
hashvargel

kiếm tiền

վաստակել
vasdagel

Tính từ

mới

նոր
nor

cũ

հին
hin

ít

քիչ
k'ich'

nhiều

շատ
shad

sai

սխալ
skhal

chính xác

ճիշտ
jishd

xấu

վատ
vad

tốt

լավ
lav

hạnh phúc

ուրախ
urakh

ngắn

կարճ
garj

dài

երկար
ergar

nhỏ

փոքր
p'ok'r

lón
to

մեծ
medz

xinh đẹp

գեղեցիկ
keghets'ig

trẻ

երիտասարդ
eridasart

già

ծեր
dzer

màu trắng

սպիտակ
sbidag

màu đen

սև
sev

màu đỏ

կարմիր
garmir

màu xanh da trời

կապույտ
gabuyd

màu xanh lá cây

կանաչ
ganach'

màu vàng

դեղին
teghin

chậm

դանդաղ
tantagh

nhanh

արագ
arak

vui vẻ

զվարճալի
zvarjali

không công bằng

անարդար
anartar

công bằng

արդար
artar

khó

դժվար
tzhvar

dễ

հեշտ
heshd

giàu

հարուստ
harusd

nghèo

աղքատ
aghk'ad

khỏe

ուժեղ
uzhegh

yếu

թույլ
t'uyl

an toàn

ապահով
abahov

mệt mỏi

հոգնած
hoknadz

tự hào

հպարտ
hbard

no bụng

կուշտ
gushd

bệnh

հիվանդ
hivant

khỏe mạnh

առողջ
aroghch

tức giận

զայրացած
zayrats'adz

thấp
đại cương

ցածր
ts'adzr

cao
đại cương

բարձր
partsr

ngọt

քաղցր
k'aghts'r

chua

թթու
t't'u

mềm

փափուկ
p'ap'ug

cứng

կարծր
gardzr

đáng yêu

պուպուշ
bubush

ngu ngốc

հիմար
himar

điên khùng

խենթ
khent'

bận rộn

զբաղված
zpaghvadz

cao
người

բարձրահասակ
partsrahasag

thấp
người

կարճահասակ
garjahasag

lo lắng

անհանգիստ
anhankisd

ngạc nhiên

զարմացած
zarmats'adz

cư xử tốt

բարեկիրթ
paregirt'

ác độc

չար
ch'ar

khéo léo

խելացի
khelats'i

lạnh

ցուրտ
ts'urd

nóng

շոգ
shok

màu cam

նարնջագույն
narnchakuyñ

màu xám

մոխրագույն
mokhrakuyñ

màu nâu

շագանակագույն
shakanagakuyñ

màu hồng

վարդագույն
vartakuyñ

nhàm chán

ծանծրալի
tsantsrali

nặng

ծանր
dzanr

nhẹ

թեթև
t'et'ev

cô đơn

միայնակ
miaynag

đôi bụng

սոված
sovadz

khát nước

ծարավ
dzarav

buồn

տխուր
dkhur

đốc

զառիթափ
zarit'ap'

bằng phẳng

հարթ
hart'

hẹp

նեղ
negh

rộng

լայն
layn

sâu

խոր
khor

nông

ծանծաղուտ
dzandzaghud

lớn
rất

հսկայական
hsgayagan

bản

կեղտոտ
geghdod

sạch sẽ

մաքուր
mak'ur

đầy

լիքը
lik'ê

trống rỗng

դատարկ
tadarg

đắt

թանկ
t'ang

rẻ

էժան
ēzhan

quyến rũ

սեքսուալ
sek'sual

lười biếng

ծուլ
dzuył

dững cảm

քաջ
k'ach

hào phóng

առատաձեռն
aṛadatsern

ướt

թաց
t'ats'

khô

չոր
ch'or

ồn ào

բարձրաձայն
partsratsayn

yên tĩnh

հանգիստ
hankisd

năng

արևոտ
arevod

nhiều mưa

անձրևոտ
antsrevod

sương mù
tính từ

մառախլապատ
maṛakhlabad

nhiều mây

ամպամած
ambamadz

Thể thao

thể dục dụng cụ

մարմնամարզություն
marmnamarzut'yun

quần vợt

թենիս
t'enis

chạy
danh từ

վազք
vazk'

đạp xe

հեծանվավազք
hedzanvavazk'

đánh golf

գոլֆ
kolf

bóng đá

ֆուտբոլ
fudpol

bóng rổ

բասկետբոլ
pasgedpol

bơi lội

լող
logh

lặn

դայվինգ
tayvink

đi bộ đường dài

քայլարշավ
k'aylarshav

chạy marathon

մարաթոնյան վազք
marat'onyan vazk'

ba môn phối hợp

եռամարտ
eramard

bóng bàn

սեղանի թենիս
seghani t'enis

cử tạ

ծանրամարտ
dzanramard

quyển anh

բռնցքամարտ
prnts'k'amard

cầu lông

բադմինտոն
patmindon

trượt băng nghệ thuật

գեղասահք
keghasahk'

trượt ván tuyết

սնոուբորդինգ
snouportink

trượt tuyết

դահուկային սպորտ
tahugayin sbord

trượt tuyết băng đồng

դահուկավազք
tahugavazk'

khúc côn cầu trên băng

հոկեյ
hogeý

bóng chuyền

վոլեյբոլ
voleypol

bóng ném

հանդբոլ
hantpol

bóng chuyền bãi biển

լողափնյա վոլեյբոլ
loghap'nya voleypol

bóng rugby

ռեգբի
rekpi

bóng gậy

կրիկետ
griged

bóng chày

բեյսբոլ
peyspol

bóng bầu dục Mỹ

Ամերիկյան ֆուտբոլ
Amerigyan fudpol

bóng nước

ջրագնդակ
chrakntag

nhảy cầu

ջրացատկ
chrats'adg

lướt sóng

սերֆինգ
serfink

đua thuyền buồm

առագաստանավային սպորտ
arakasdanavayin sbord

chèo thuyền

թիավարություն
t'iavarut'yun

yoga

յոգա
yoka

khiêu vũ

պար
bar

nhảy dù

պարաշյուտային սպորտ
barashyudayin sbord

cờ vua

đánh bài poker

bowling

շախմատ
shakhmad

պոկեր
boger

բոուլինգ
poulink

múa ba lê

բալետ
paled

Động vật

con lợn

խոզ
khoz

con bò

կով
gov

con ngựa

ծի
tsi

con chó

շուն
shun

con cừu

ոչխար
och'khar

con khỉ

կապիկ
gabig

con mèo

կատու
gadu

con gấu

արջ
arch

con gà

հավ
hav

con vịt

բադ
pat

con bướm

թիթեռ
t'it'er

con ong

մեղու
meghu

con cá

ծուկ
tsug

con nhện

սարդ
sart

con rắn

օձ
ōts

con hổ

վագր
vagr

con chuột

մուկ
mug

con thỏ

նապաստակ
nabasdag

con sư tử

ադյուծ
aryudz

con lừa

ավանակ
avanag

con voi

փիղ
p'igh

con chim bồ câu

աղավնի
aghavni

con bọ

փայտոջիլ
p'aydochil

con muỗi

մոծակ
modzag

con ruồi

ճանճ
janj

con kiến

մրջյուն
mrchyun

con cá voi

կետ
ged

con cá mập

շնածուկ
shnatsug

con cá heo

դելֆին
telfin

con ốc sên

խխունջ
khkhunch

con ếch

զորտ
kord

con gấu trúc

պանդա
banta

con gấu Bắc cực

սպիտակ արջ
sbidag arch

con chó sói

զայլ
kayl

con gấu túi

կռալա
goala

con chuột túi

կենգուրու
genkuru

con hươu cao cổ

ընձուղտ
ěntsughd

con cáo

աղվես
aghves

con hà mã

գետաձի
kedatsi

con dơi

չղջիկ
ch'ghchig

con quạ

ագռավ
akrav

con thiên nga

կարապ
garab

con chim hải âu

ճայ
jay

con cú

քու
pu

con chim cánh cụt

պինգվին
binkvin

con vẹt

թութակ
t'ut'ag

con sâu bướm

թրթուր
t'rt'ur

con chuồn chuồn

ճպուռ
jbuṛ

con mực ống

կաղամար
gaghamar

con bạch tuộc

ուլթոտնուկ
ut'odnug

con cá ngựa

ծովաձի
dzovatsi

con hải cẩu

փոկ
p'og

con sứa

մեդուզա
metuza

con cua

խեցգետին
khets'kedin

con khủng long

դինոզավր
tinozavr

con rùa cạn

կրիա
gria

con cá sấu

կոկորդիլոս
gogortilos

Quốc gia

Châu Âu

Եվրոպա
Evropa

Châu Á

Ասիա
Asia

Châu Mỹ

Ամերիկա
Ameriga

Châu Phi

Աֆրիկա
Afriga

Vương quốc Anh

Միացյալ Թագավորություն
Miats'yal T'akavorut'yun

Tây Ban Nha

Իսպանիա
Isbania

Thụy sĩ

Շվեյցարիա
Shveyts'aria

Ý

Իտալիա
Idalia

Pháp

Ֆրանսիա
Fransia

Đức

Գերմանիա
Kermania

Thái Lan

Թաիլանդ
T'ailant

Singapore

Սինգապուր
Sinkabur

Nga

Ռուսաստան
Rusasdan

Nhật Bản

Ճապոնիա
Jabonia

Israel

Իսրայել
Israyel

Ấn Độ

Հնդկաստան
Hntgasdan

Trung Quốc

Չինաստան
Ch'inasdan

Hoa Kỳ

Ամերիկայի Միացյալ
Նահանգներ
Amerigayi Miats'yal Nahankner

Mexico

Մեքսիկա
Mek'siga

Canada

Կանադա
Ganata

Chile

Չիլի
Ch'ili

Brazil

Բրազիլիա
Prazilia

Argentina

Արգենտինա
Arkendina

Nam Phi

Հարավային Աֆրիկա
Haravayin Afriga

Nigeria

Նիգերիա
Nigeria

Ma Rốc

Մարոկկո
Maroggo

Libya

Լիբիա
Lipia

Kenya

Քենիա
K'enia

Algeria

Ալժիր
Alzhir

Ai Cập

Եգիպտոս
Ekibdos

New Zealand

Նոր Զելանդիա
Nor Zelantia

Úc

Ավստրալիա
Avsdralia

Cơ thể

đầu

գլուխ
klukh

mũi

քիթ
k'it'

tóc

մազ
maz

miệng

բերան
peran

tai

ականջ
aganch

mắt

աչք
ach'k'

bàn tay

ծեղք
tserk'

bàn chân

ոտք
odk'

tim

սիրտ
sird

não

ուղեղ
ughegh

cổ

պարանոց
baranots'

mông

հետույք
heduyk'

vai

ուս
us

đầu gối

ծունկ
dzung

chân

ոտք
odk'

tay

բազուկ
pazug

bụng

որովայն
orovayn

ngực

կրծք
gurdzk'

lưng

մեջք
mechk'

răng

ատամ
adam

lưỡi

լեզու
lezu

môi

շրթունք
shrt'unk'

ngón tay

մատ
mad

ngón chân

ոտնամատ
odnamad

dạ dày

ստամոքս
sdamok's

phổi

թոք
t'ok'

gan

լյարդ
lyart

dây thần kinh

կյարդ
nyart

thận

երկամ
erigam

ruột

աղիք
aghik'

trán

ճակատ
jagad

cằm

կզակ
gzag

má
cơ thể

այտ
ayd

râu

մորուկ
moruk'

ngón cái

բութ մատ
put' mad

ngón tay út

ճկույթ
jguyt'

ngón tay đeo nhẫn

մատնեմատ
madnemad

ngón tay giữa

միջնամատ
michnamad

ngón tay trỏ

ցուցամատ
ts'uts'amad

móng tay

ծեռքի մատի եղունգ
tserk'i madi eghunk

gót chân

կրունկ
grung

xương sống

ողնաշար
oghbashar

cơ bắp

մկան
mgan

xương
cơ thể

նսկոր
osgor

bộ xương

կմախք
gmakhk'

xương sườn

կողոսկր
goghosgr

đốt sống

ող
ogh

bàn quang

միզապարկ
mizabarg

tĩnh mạch

երակ
erag

động mạch

զարկերակ
zargerag

âm đạo

հեշտոց
heshdots‘

tinh trùng

սերմահեղուկ
sermnaheghug

dương vật

առնանդամ
aṛnantam

tinh hoàn

ամորձի
amortsi

Ngôi nhà

cửa

դուռ
tur

nhà bếp

խոհանոց
khohanots'

phòng tắm

սանհանգույց
sanhankuyts'

phòng khách

հյուրասենյակ
hyurasenyag

phòng ngủ

ննչասենյակ
nnchasenyag

vườn

այգի
ayki

gara

ավտոտնակ
avdodnag

tường

պատ
bad

tầng hầm

նկուղ
ngugh

nhà vệ sinh
nhà ở

զուգարան
zukanan

cầu thang

աստիճաններ
asdjanner

mái nhà

տանիք
danik'

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

պատուհան
baduhan

դանակ
tanag

սուրճի բաժակ
surji pazhag

ly

đĩa

cốc

բաժակ
pazhag

ափսե
ap'se

բաժակ
pazhag

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

աղբաման
aghpaman

թաս
t'as

գրասեղան
kraseghan

giường

gương

vòi hoa sen

մահճակալ
mahjagal

հայելի
hayeli

ցնցուղ
ts'nts'ugh

ghế sofa

բազմոց
pazmots'

ảnh

նկար
ngar

đồng hồ

ժամացույց
zhamats'uyts'

bàn
nhà

սեղան
seghan

ghế
nhà

աթոռ
at'or

hàng xóm

հարևան
harevan

thang máy

վերելակ
verelag

ban công

պատշգամբ
badshkamp

gác xép

ծեղնահարկ
tseghnaharg

ống khói

ծխնելույզ
dzkhneluyz

muống gỗ

փայտե գդալ
p'ayde ktal

đũa

Չինական փայտիկներ
Ch'inagan p'aydigner

bộ dao nĩa

դանակ-պատառաքաղ
tanag-badaṛak'agh

muỗng

գդալ
ktal

nĩa

պատառաքաղ
badaṛak'agh

cái vá

շերեփ
sherep'

nồi

կաթսա
gat'sa

chảo

թավա
t'ava

bóng đèn

լամպ
lamb

giá sách

գրապահարան
krabaharan

rèm

վարագույր
varakuyr

nệm

ներքնակ
nerk'nag

gối

բարձ
parts

chăn

վերմակ
vermag

kệ

դարակ
tarag

ngăn kéo

զզրոց
gzrots'

tủ quần áo

զգեստապահարան
zkesdabaharan

xô

դուլ
tuyl

chổi

ավել
avel

cái cân

կշեռք
gsheṛk'

giỏ đựng đồ giặt

լվացքի զամբյուղ
lvats'k'i zampyugh

bồn tắm

լոգարան
lokanan

khăn tắm
to lớn

լոգանքի սրբիչ
lokank'i srpich'

xà phòng

օձառ
ōjaṛ

giấy vệ sinh

զուգարանի թուղթ
zukanani t'ught'

khăn tắm
nhỏ bé

սրբիչ
srpich'

bồn rửa mặt

լվացարան
lvats'aran

cái thang

ձեռնասանդուղք
tseɾnasantughk'

hộp thư

փոստարկղ
p'osdarggh

hàng rào

ցանկապատ
ts'angabad

Thức ăn

trúng

ծոԼ
tsu

phô mai

պանիր
banir

sữa

կաթ
gat'

cá

ծոԼկ
tsug

thịt

միս
mis

xương
món ăn

ոսկոր
osgor

dầu

ծեթ
tset'

bánh mì

հաց
hats'

đường
món ăn

շաքարավազ
shak'aravaz

sô cô la

շոկոլադ
shogolat

kẹo

կոնֆետ
gonfed

bánh bông lan

տորթ
dort'

nước

ջուր
chur

cà phê

սուրճ
surj

trà

թեյ
t'ey

bia

գարեջուր
karechur

rượu nho

գինի
kini

sa lát

աղցան
aghts'an

súp

ապուր
abur

món tráng miệng

աղանդեր
aghanter

bữa ăn sáng

նախաճաշ
nakhajash

bữa trưa

լանչ
lanch'

bữa tối

ճաշ
jash

pizza

պիցցա
bits'ts'a

kem

պաղպաղակ
baghbaghag

bơ

կարագ
garak

sữa chua

յոգուրտ
yokurd

cá ngừ

թունա
t'una

cá hồi

սաղմոն
saghmon

giảm bông

խոզապուխտ
khozabukhd

thịt ba rọi

բեկոն
pegon

xúc xích

նրբերշիկ
nrpershig

thịt gà tây

հնդկահավի միս
hntgahavi mis

thịt gà

հավի միս
havi mis

thịt bò

տավարի միս
davari mis

thịt heo

խոզի միս
khozi mis

thịt cừu

գառան միս
karan mis

bí ngô

դդում
ttum

nấm

սունկ
sung

nấm cộc

տրյուֆել
dryufel

tỏi

սխտոր
skhdor

tỏi tây

պրաս
bras

gừng

կոճապղպեղ
gojabghbegh

cà tím

սմբուկ
smpug

khoai lang

քաղցր կարտոֆիլ
k'aghts'r gardofil

cà rốt

գազար
kazar

dưa chuột

վարունգ
varunk

ớt

չիլի պղպեղ
ch'ili bghbegh

ớt chuông

պղպեղ
bghbegh

củ hành

սոխ
sokh

khoai tây

կարտոֆիլ
gardofil

bông cải trắng

ծաղկակաղամբ
dzaghgagaghamp

bắp cải

կաղամբ
gaghamp

bông cải xanh

բրոկկոլի
proggoli

xà lách

հազար
hazar

rau chân vịt

սպանախ
sbanakh

tre

բամբուկ
pampug

ngô

եգիպտացորեն
ekibdats'oren

cần tây

նեխուր
nekhur

đậu Hà Lan

ոլոռ
olor

hạt đậu

լոբի
lopi

quả lê

տանձ
dants

quả táo

խնձոր
khntsor

quả ô liu

ծիրապտուղ
tsit'abdugh

quả sung

թուզ
t'uz

quả chà là

արմավ
armav

quả dừa

կոկոս
gogos

quả hạnh nhân

նուշ
nush

hạt phỉ

պնդուկ
bntug

đậu phộng

գետնանուշ
kednanush

quả chuối

բանան
panan

quả xoài

մանգո
manko

quả kiwi

կիվի
givi

quả bơ

ավոկադո
avogato

quả dứa

արքայախնձոր
ark'ayakhntsor

dưa hấu

ծմերուկ
tsmerug

quả nho

խաղող
khaghogh

dưa gang

սեխ
sekh

quả mâm xôi

ազնվամորի
aznvamori

quả việt quất

հապալաս
habalas

quả dâu tây

ելակ
elag

quả anh đào

բալ
pal

quả mận

սալոր
salor

quả mơ

ծիրան
dziran

quả đào

դեղձ
teghts

quả chanh

լիմոն
limon

quả bưởi

թուրինջ
t'urinch

quả cam

նարինջ
narinch

cà chua

լոլիկ
lolig

bạc hà

անանուխ
ananukh

sả

կիտրոնախոտ
gidronakhod

quế

դարչին
tarch'in

vani

վանիլին
vanilin

muối

աղ
agh

tiêu

պղպեղ
bghbegh

cà ri

կարրի
garri

thuốc lá
thực vật

ծխախոտ
dzkhakhod

đậu hũ

տոֆու
dofu

giấm

քացախ
k'ats'akh

mì sợi

լապշա
labsha

sữa đậu nành

սոյայի կաթ
soyayi gat'

bột mì

ալյուր
alyur

gạo

բրինձ
prints

yến mạch

վարսակ
varsag

lúa mì

ցորեն
ts'oren

đậu nành

սոյա
soya

hạt

ընկույզ
ënguyz

mật ong

մեղր
meghr

mút

քեմ
chem

kẹo cao su

մաստակ
masdag

bánh kếp

նրբաբլիթ
nrpaplith

bánh quy

թխվածքաբլիթ
t'khvadzk'aplit'

bánh pudding

պուդինգ
butink

bánh muffin

կեքս
gek's

bánh rán vòng

փքաբլիթ
p'k'aplit'

nước tăng lực

Էներգետիկ ըմպելիք
ēnerkedig ēmbelik'

nước cam

նարնջի հյուլ
narnchi hyut'

nước táo

խնձորի հյուլ
khntsori hyut'

sữa lắc

կաթնային կոկտեյլ
gat'nayin gogdeyl

coca cola

կոկա-կոլա
goga-gola

sô cô la nóng

տաք շոկոլադե
dak' shogolat

ruợu cocktail

կոկտեյլ
gogdeyl

ruợu rum

ռոմ
rom

ruợu whisky

վիսկի
visgi

ruợu vodka

օղի
ogh

thực đơn

ճաշացուցակ
jashats'uts'ag

hải sản

ծովամթերք
dzovamt'erk'

mì Ý

սպագետի
sbakedi

sushi

սուշի
sushi

bắp rang bơ

պոպկորն
bobgorn

khoai tây lát mỏng

չիփսեր
ch'ip'ser

cánh gà

հավի թևիկներ
havi t'evigner

khoai tây chiên

կարտոֆիլ ֆրի
gardofil fri

mù tạt

մանանեխ
mananekh

sốt mayonnaise

մայոնեզ
mayonez

nước sốt cà chua

տոմատի մածուկ
domadi madzug

bánh mì kẹp

սենդվիչ
sentvich[՝]

bánh mì kẹp xúc xích

հոթ դոգ
hot[՝] tok

bánh burger

բուրգեր
purker

Trường học

sách

գիրք
kirk'

thư viện

գրադարան
krataran

bài tập về nhà

տնային աշխատանք
dnayin ashkhadank'

bài thi

քննություն
k'nnut'yun

bài học

դաս
tas

khoa học

գիտություն
kidut'yun

lịch sử

պատմություն
badmut'yun

nghệ thuật

արվեստ
arvesd

cây bút

գրիչ
krich'

bút chì

մատիտ
madid

thứ nhất

առաջին
arachin

thứ hai
2

երկրորդ
ergort

thứ ba
3

երրորդ
errort

thứ tư
4

չորրորդ
ch'orrot

ngiên cứu

հետազոտություն
hedazodut'yun

bằng cấp

դիպլոմ
tiblom

sân thể thao

մարզահրապարակ
marzahrabarag

từ điển

բառարան
paṙaran

học kì

կիսամյակ
gisamyag

sổ tay

նոթատետր
not'adetr

hình học

երկրաչափություն
ergrach'ap'ut'yun

chính trị học

քաղաքականություն
k'aghak'aganut'yun

triết học

փիլիսոփայություն
p'ilisop'ayut'yun

kinh tế học

տնտեսագիտություն
dndesakidut'yun

giáo dục thể chất

ֆիզիկական կրթություն
fizigagan grt'ut'yun

sinh học

կենսաբանություն
gensapanut'yun

toán học

մաթեմատիկա
mat'emadiga

địa lý

աշխարհագրություն
ashkharhakrut'yun

văn học

գրականություն
kraganut'yun

hóa học

քիմիա
k'imia

vật lý

ֆիզիկա
fiziga

cải thước

քանոն
k'anon

cục tẩy

ռետին
redin

cái kéo

մկրատ
mgrad

băng dính

կպչուն ժապավեն
gbch'un zhabaven

keo dán

սոսինձ
sosints

bút bi

գնդիկավոր գրիչ
kntigavor krich'

kẹp giấy

սեղմակ
seghmag

3%

երեք տոկոս
erek' dogos

100%

հարյուր տոկոս
haryur dogos

0%

զրո տոկոս
zro dogos

mét khối

խորանարդ մետր
khoranart medr

mét vuông

քառակուսի մետր
k'aragusi medr

dặm

մղոն
mghon

mét

մետր
medr

mi-li-mét

միլիմետր
milimedr

xen-ti-mét

սանտիմետր
sandimedr

đề-xi-mét

դեցիմետր
tets'imedr

phép cộng

գումարում
kumarum

phép trừ

հանում
hanum

phép nhân

բազմապատկում
pazmabadgum

phép chia

բաժանում
pazhanum

diện tích

տարածք
daradz^Կ

thể tích

ծավալ
dzaval

hình chữ nhật

նւղղանկյուն
ughghangyun

hình vuông

քառակուսի
k'aragusi

tam giác

եռանկյուն
erangyun

hình tròn

շրջան
shrchan

lít

լիտր
lidr

mililit

միլիլիտր
mililidr

tấn

տոննա
donna

kilôgam

կիլոգրամ
gilokram

gram

գրամ
kram

nam châm

մագնիս
maknis

kính hiển vi

մանրադիտակ
manratidag

cái phễu

ծափար
tsakar

phòng thí nghiệm

լաբորատորիա
laporatoria

bài giảng

դասախոսություն
tasakhosut'yun

Thiên nhiên

tro

մոխիր
mokhir

lửa

կրակ
grag

kim cương

ադամանդ
atamant

mặt trăng

լուսին
lusin

mặt trời

արեգակ
arekag

ngôi sao

աստղ
asdgh

hành tinh

մոլորակ
molorag

bờ biển
biển

ափ
ap'

hồ

լիճ
lij

rừng

անտառ
andar

sa mạc

անապատ
anabad

đồi núi

բլուր
plur

đá
danh từ

con sông

thung lũng

ժայռ
zhayr

գետ
ked

հովիտ
hovid

núi

đảo

đại dương

սար
sar

կղզի
gghzi

օվկիանոս
ōvgianos

biển

băng

tuyết

ծով
dzov

սառույց
saruyts[¢]

ձյուն
tsyun

bão táp

mưa

gió

փոթորիկ
p'ot'orig

անձրև
antsrev

քամի
k'ami

cây

ծառ
dzaɾ

cỏ

խոտ
khod

hoa hồng

վարդ
vart

hoa

ծաղիկ
dzaghig

kim loại

մետաղ
medagh

đất

հող
hogh

dung nham

լավա
lava

than

ածուխ
adzukh

cát

ավազ
avaz

đất sét

կավ
gav

tên lửa

հրթիռ
hrt'ir

vệ tinh

արբանյակ
arpanyag

thiên hà

գալակտիկա
kalagdiga

tiểu hành tinh

աստերոիդ
asderoit

lục địa

աշխարհամաս
ashkharhamas

đường Xích đạo

հասարակած
hasaragadz

Nam cực

Հարավային բևեռ
Haravayin pever

Bắc cực

Հյուսիսային բևեռ
Hyusisayin pever

suối

հոսք
hosk'

rừng nhiệt đới

արևադարձային
անտառ
arevatartsayin andar

hang

քարանձավ
k'arantsav

thác nước

ջրվեժ
chrvezh

bờ biển
con sông

ծովափ
dzovap'

sông băng

սառցադաշտ
sarts'atashd

động đất

երկրաշարժ
ergrasharzh

miệng núi lửa

խառնարան
khaṛnaran

núi lửa

հրաբուխ
hrapukh

khí quyển

մթնոլորտ
mt' nolord

lũ lụt

ջրհեղեղ
chrheghegh

sương mù
danh từ

մառախուղ
maṛakhugh

cầu vồng

ծիածան
dziadzan

tiếng sấm

որոտ
orod

tia chớp

կայծակ
gaydzag

cơn dông

ամպրոպ
ambrob

nhiệt độ

ջերմաստիճան
chermasdijan

bão nhiệt đới

թայֆուն
t'ayfun

bão

մրրիկ
mrrig

mây

ամպ
amb

cành cây

ծյուղ
jyugh

lá cây

տերեւ
derew

rễ cây

արմատ
armad

thân cây

կոճղ
gojgh

hạt giống

սերմ
serm

nhựa

պլաստիկ
blasdig

cacbon điôxít

ածխաթթու գազ
adzkhath't'u kaz

nguyên tử

ատոմ
adom

sắt

երկաթ
ergat'

ôxy

թթվածին
t't'vadzin

vàng

bạc

ნული
osgi

արծաթ
ardzat'

Giao thông

xe hơi

մեքենա
mek'ena

xe buýt

ավտոբուս
avdopus

xe lửa

գնացք
knats'k'

ga xe lửa

կայարան
gayaran

trạm dừng xe buýt

կանգառ
gankaṛ

máy bay

ինքնաթիռ
ink'nat'ir

tàu

նավ
nav

xe tải

բեռնատար
peṛnadar

xe đạp

հեծանիվ
hedzaniv

xe mô tô

մոտոցիկլետ
modots'igled

xe taxi

տաքսի
dak'si

đền giao thông

լուսացույց
lusats'uyts'

bãi đậu xe

ավտոկայան
avdogayan

đường
xe hơi

ճանապարհ
janabarh

ắc quy

մարտկոց
mardgots'

động cơ
xe hơi

շարժիչ
sharzhich'

túi khí

անվտանգության բարձիկ
anvdankut'yan partsig

vô-lăng

ղեկ
gheg

dây an toàn

ամրագրուի
amrakodi

lốp xe

անվադող
anvatogh

cốp sau

հետևի բեռնախցիկ
hedevi pernakhths'ig

máy bán vé

տոմսերի վաճառքի
մեքենա
domseri vajark'i mek'ena

phòng bán vé

տոմսարկղ
domsarggh

tàu điện ngầm

մետրո
medro

tàu cao tốc

արագընթաց գնացք
arakənt'ats' knats'k'

đầu máy

շոգեքարշ
shokek'arsh

xe điện

տրամվայ
dramvay

xe buýt trường học

դպրոցական ավտոբուս
tbrots'agan avdopus

xe buýt nhỏ

միկրոավտոբուս
migoavdopus

sân bay

օդանավակայան
ōtanavagayan

hãng hàng không

ավիաընկերություն
aviaēngerut'yun

máy bay trực thăng

ուղղաթիռ
ughghat'ir

hạng nhất

առաջին դաս
arāchin tas

hạng phổ thông

Էկոնոմ դաս
ēgonom tas

hạng thương gia

բիզնես դաս
piznes tas

áo phao

փրկարարական բաճկոն
p'rgararagan pajgon

công ten nơ

կոնտեյներ
gondeyner

tàu ngầm

սուզանավ
suzanav

tàu du lịch

զբոսանավ
zposanav

tàu chở hàng

կոնտեյներային նավ
gondeynerayin nav

du thuyền

յախտա
yakhda

phà

լաստանավ
lasdanav

hải cảng

նավահանգիստ
navahankisd

xuồng cứu sinh

փրկարար նավակ
p'rgarar navag

ra đa

ռադար
ratar

đền đường

փողոցային լույս
p'oghots'ayin luys

vía hè

մայթ
mayt'

trạm xăng

բենզալցակայան
penzalts'agayan

công trường

շինհրապարակ
shinhrabarag

vạch qua đường

հետիոտնային անցում
hediodnayin ants'um

tắc đường

խցանում
khts'anum

đường cao tốc

մայրուղի
mayrughi

xe tăng

տանկ
dang

máy xúc

էքսկավատոր
ëk'sgavador

máy kéo

տրակտոր
dragdor

rơ-moóc

կցասայլ
gts'asayl

xe tay ga

սկուտեր
sguder

xe cáp treo

ծռպանուղի
jobanughi

Thành phố

bệnh viện

հիվանդանոց
hivantanots'

trường học

դպրոց
tbrots'

nhà ở

տուն
dun

hóa đơn

հաշիվ
hashiv

chợ

շուկա
shuga

siêu thị

սուպերմարկետ
subermarged

căn hộ

բնակարան
pnagaran

trường đại học

համալսարան
hamalsaran

nông trại

ագարակ
akarag

nhà thờ

եկեղեցի
egeghets'i

nhà hàng

ռեստորան
resdoran

quán bar

բար
par

phòng thể dục

մարզասրահ
marzasrah

công viên

այգի
ayki

nhà vệ sinh
đại cương

զուգարան
zukaran

bản đồ

քարտեզ
k'ardez

xe cứu thương

շտապօգնություն
shdabōknut'yun

cảnh sát
đại cương

ոստիկանություն
osdiganut'yun

lính cứu hỏa
đại cương

հրշեջներ
hrshechner

quốc gia

երկիր
ergir

ngoại ô

արվարձան
arvartsan

ngôi làng

գյուղ
kyugh

bảo hành

երաշխիք
erashkhik'

trung tâm mua sắm

առևտրի կենտրոն
aṛevdri gendron

tiệm thuốc

դեղատուն
teghadun

tòa nhà chọc trời

երկնաքեր
ernak'er

lâu đài

ամրոց
amrots'

đại sứ quán

դեսպանատուն
tesbanadun

giáo đường Do Thái

սինագոգ
sinakok

ngôi đền

տաճար
dajar

nhà máy

գործարան
kordzaran

nhà thờ Hồi giáo

մզկիթ
mzgit'

tòa thị chính

քաղաքապետարան
k'aghak'abedaran

bưu điện

փոստային բաժանմունք
p'osdayin pazhanmunk'

đài phun nước

շատրվան
shadrvan

câu lạc bộ đêm

գիշերային ակումբ
kisherayin agump

băng ghế

նստարան
nsdaran

sân golf

գոլֆի դաշտ
kolfi tashd

sân bóng đá

ֆուտբոլի մարզադաշտ
fudpoli marzatashd

hồ bơi
tòa nhà

լողավազան
loghavazan

sân quần vợt

թենիսի խաղադաշտ
t'enisi khaghatashd

thông tin du lịch

զբոսաշրջային
տեղեկատվություն
zposashrchayin deghegadvut'yun

sòng bạc

խաղատուն
khaghadun

phòng triển lãm nghệ thuật

արվեստի
պատկերասրահ
arvesdi badgerasrah

bảo tàng

թանգարան
t'ankaran

công viên quốc gia

ազգային պարկ
azkayin barg

quà lưu niệm

հուշանվեր
hushanver

thủy cung

ակվարիում
agvarium

trượt nước

ջրային բլուր
chrayin plur

tàu lượn siêu tốc

ամերիկյան բլուրներ
amerigyan plurner

công viên nước

ջրաշխարհ
chrashkharh

vườn bách thú

կենդանաբանական այգի
gentanapanagan ayki

sân chơi

խաղահրապարակ
khaghahrabarag

cửa thoát hiểm
tòa nhà

վթարային ելք
vt'arayin elk'

chuông báo cháy

հրդեհի տազնապ
hrtehi daknab

bình cứu hỏa

կրակմարիչ
gragmarich'

đồn cảnh sát

ոստիկանական
բաժանմունք
osdiganagan pazhanmunk'

tiểu bang

նահանգ
nahank

khu vực

երկրամաս
ergramas

thủ đô

մայրաքաղաք
mayrak'aghak'

Bệnh viện

tai nạn

դժբախտ պատահար
tzhpakhd badahar

bệnh nhân

հիվանդ
hivant

phẫu thuật

վիրահատություն
virahadut'yun

viên thuốc

հաբ
hap

sốt

ջերմություն
chermut'yun

ho

հազ
haz

phòng cấp cứu

շտապ օգնության
սենյակ
shdab òknut'yan senyag

khoa hồi sức tích cực

ինտենսիվ թերապիայի
բաժանմունք
intensiv t'erabiayi pazhanmunk'

phòng chờ

սպասասրահ
sbasasrah

thuốc aspirin

ասպիրին
asbirin

thuốc ngủ

քնաբեր
k'naper

ngày hết hạn

պիտանելիության ժամկետ
bidaneliut'yan zhamged

liều lượng

դեղաչափ
teghach'ap'

si-rô ho

օշարակ հազի դեմ
ōsharag hazi tem

tác dụng phụ

կողմնակի ազդեցություն
goghmnagi aztets'ut'yun

insulin

ինսուլին
insulin

bột

փոշի
p'oshi

viên nhộng

պատիճ
badij

vitamin

վիտամին
vidamin

thuốc giảm đau

ցավազրկող
ts'avazrgogh

kháng sinh

հակաբիոտիկներ
hagapiodigner

vi khuẩn

մանրէ
manrē

vi rút

վիրուս
virus

đau tim

սրտի կաթված
srdi gat'vadz

tiêu chảy

փորլուծութիւն
p'orludzut'yun

tiểu đường

շաքարային դիաբետ
shak'arain tiaped

đột quỵ

կաթված
gat'vadz

hen suyễn

ասթմա
ast'ma

ung thư

քաղցկեղ
k'aghts'gegh

cúm

գրիպ
krib

đau răng

ատամի ցավ
adami ts'av

cháy nắng

արևայրուք
arevayruk'

viêm họng

կոկորդի ցավ
gogorti ts'av

đau bụng

փորացավ
p'orats'av

nhiễm trùng

վարակ
varag

dị ứng

ալերգիա
alerkia

chuột rút

սպազմ
sbazm

đau đầu

գլխացավ
klkhats'av

ống tiêu

ներարկիչ
nerargich'

nặng

հենակ
henag

chụp X quang

ռենտգեն
rendken

máy siêu âm

ուլտրաձայնային սարք
uldratsaynayin sark'

bó bột
nhỏ bé

սպեղանի
sbeghani

xe lăn

հաշմանդամի սայլակ
hashmantami saylag

bó bột
gãy xương

գիփս
kip's

mạch

պուլս
puls

chấn thương

վնասվածք
vnasvadzk'

cấp cứu

արտակարգ իրավիճակ
ardagark iravijag

chấn động

ցնցում
ts'nts'um

vết bỏng

այրվածք
ayrvadz'k'

gãy xương

կոտրվածք
godrvadz'k'

thuốc tránh thai

հակաբեղմնավորիչ հաբ
hagapeghmnavorich' hap

thử thai

հղիության թեստ
hghiut'yan t'esd

Nghề nghiệp

bác sĩ

բժիշկ
pzhishg

y tá

բուժքույր
puzhk'uyr

cảnh sát
người

ստիկան
osdigan

tổng thống

Նախագահ
nakhakah

thuyền trưởng

կապիտան
gabidan

thám tử

խուզարկու
khuzargu

phi công

օդաչու
ōtach'u

giáo sư

պրոֆեսոր
brofesor

giáo viên

ուսուցիչ
usuts'ich'

luật sư

իրավաբան
iravapan

thư ký

քարտուղարուհի
k'ardugharuhi

trợ lý

օգնական
ōknagan

thẩm phán

դատավոր
tadavor

quản lý

մենեջեր
menecher

đầu bếp

խոհարար
khoharar

tài xế taxi

տաքսու վարորդ
dak'su varort

tài xế xe buýt

ավտոբուսի վարորդ
avdopusi varort

người mẫu

մոդել
motel

nghệ sĩ

նկարիչ
ngarich'

thủ tướng

վարչապետ
varch'abed

duốc sĩ

դեղագործ
teghakordz

lính cứu hỏa
người

հրշեջ
hrshech

nha sĩ

ատամնաբույժ
adamnapuyzh

doanh nhân

ձեռնարկատեր
tseɽnargader

chính trị gia

քաղաքական գործիչ
k'aghak'agan kordzich'

lập trình viên

ծրագրավորող
dzhakravorogh

tiếp viên hàng không

բորտուղեկցորդուհի
pordughegts'ortuhi

nhà khoa học

գիտնական
kidnagan

giáo viên mầm non

մանկապարտեզի
դաստիարակչուհի
mangabardezi tasdiaragch'uhi

kiến trúc sư

ճարտարապետ
jardarabed

kế toán viên

հաշվապահ
hashvabah

tư vấn viên

խորհրդատու
khorhrtadu

công tố viên

դատախազ
tadakhaz

tổng quản lý

գլխավոր մենեջեր
klkhavor menecher

vệ sĩ

թիկնապահ
t'ignabah

chủ nhà

բնակարանատեր
pnagaranader

bồi bàn

մատուցող
maduts'ogh

nhân viên bảo vệ

անվտանգության աշխատակից
anvdankut'yan ashkhadagits'

bộ đội

զինվոր
zinvor

ngư dân

ծկնորս
tsgnors

nhân viên vệ sinh

հավաքարար
havak'arar

thợ sửa ống nước

ջրմուղագործ
chrnughakordz

thợ điện

էլեկտրիկ
ēlegdrig

nông dân

ֆերմեր
fermer

lễ tân

ընդունարանի
աշխատակից
ēntunarani ashkhadagits'

người đưa thư

փոստատար
p'osdadar

thu ngân

գանձապահ
kantsabah

thợ làm tóc

վարսահարդար
varsahartar

tác giả

հեղինակ
heghinag

nhà báo

լրագրող
lrakrogh

nhiếp ảnh gia

լուսանկարիչ
lusangarich'

nhân viên cứu hộ

փրկարար
p'rgarar

ca sĩ

երգիչ
erkich'

nhạc sĩ

երաժիշտ
erazhishd

diễn viên

դերասան
terasan

phóng viên

թղթակից
t'ght'agits'

huấn luyện viên

մարզիչ
marzich'

trọng tài

մրցավար
mrts'avar

Kinh doanh

tiền

փող
p'ogh

văn phòng

օֆիս
ōfis

áp lực

սթրես
st'res

bảo hiểm

ապահովագրություն
abahovakrut'yun

nhân viên
công ty

անձնակազմ
antsnagazm

bộ phận

բաժին
pazhin

lương

աշխատավարձ
ashkhadavarts

địa chỉ

հասցե
hasts'e

lá thư

նամակ
namag

số điện thoại

հեռախոսահամար
herakhosahamar

url

url
url

địa chỉ email

Էլ. փոստի հասցե
ēl. p'osdi hasts'e

trang mạng

վեբ կայք
vəp gaykʻ

thư điện tử

Էլ. փոստ
ēl. pʻosd

chữ ký

ստորագրություն
sdorakrutʻyun

thua lỗ

կորուստ
gorusd

lợi nhuận

շահույթ
shahuytʻ

khách hàng

հաճախորդ
hajakhort

số tiền

գումար
kumar

thẻ tín dụng

կրեդիտ քարտ
gretid kʻard

mật khẩu

գաղտնաբառ
kaghdnapaṛ

máy rút tiền

բանկոմատ
pangomad

thuế

հարկ
harg

phòng họp

հանդիպման սենյակ
hantibman senyag

danh thiếp

բիզնես քարտ
biznes k'ard

công nghệ thông tin

SS
DD

nhân sự

մարդկային ռեսուրսներ
martgayin resursner

bộ phận pháp lý

իրավաբանական բաժին
iravapanagan pazhin

kế toán

հաշվապահություն
hashvabahut'yun

tiếp thị

մարքեթինգ
mark'et'ink

bán hàng

վաճառք
vajark'

đồng nghiệp

կոլեգա
goleka

người sử dụng lao động

գործատու
kordzadu

nhân viên
người

աշխատող
ashkhadogh

chú thích

նշում
nshum

thuyết trình

ներկայացում
nergayats'um

bìa cứng

թղթապանակ
t'ght'abanag

con dấu cao su

ռետինե կնիք
redine gnik'

máy chiếu

պրոյեկտոր
broyegdor

bưu kiện

ծանրոց
dzanrots'

con tem

դրոշմանիշ
troshmanish

phong bì

ծրար
dzrar

trình duyệt

բրաուզեր
prauzer

đầu tư

ներդրում
nertrum

sàn giao dịch chứng khoán

ֆոնդային բորսա
fontayin porsa

tiền giấy

թղթադրամ
t'ght'atram

tiền xu

մետաղադրամ
medaghatram

tiền lãi

տոկոս
dogos

khoản vay

վարկ
varg

số tài khoản

հաշվեհամար
hashvehamar

tài khoản ngân hàng

բանկային հաշիվ
pangayin hashiv

Thiết bị

điện thoại

հեռախոս
heṙakhos

bộ tivi

հեռուստացույց
heṙusdats'uyts'

máy ảnh

ֆոտոխցիկ
fodokhts'ig

đài radio

ռադիո
ratio

quạt

հովհարիչ
hovharich'

máy điều hòa

օդորակիչ
ōtoragich'

máy pha cà phê

սուրճի ապարատ
surji abarad

máy nướng bánh mì

տոստեր
dosder

máy hút bụi

փոշեկուլ
p'oshegul

máy sấy tóc

վարսահարդարիչ
varsahartarich'

ấm đun nước

թեյնիկ
t'eynig

máy rửa chén

սպասք լվացող մեքենա
sbask' lvats'ogh mek'ena

bếp điện

կաթսա
gat'sa

lò nướng

վառարան
vaṙaran

lò vi sóng

միկրոալիքային վառարան
migoalik'ayin vaṙaran

tủ lạnh

սառնարան
saṙnaran

máy giặt

լվացքի մեքենա
lvats'k'i mek'ena

điều khiển từ xa

հեռակառավարման վահանակ
heṙagaṙavarman vahanag

tai nghe

ականջակալ
aganchagal

chuột

մկնիկ
mgnig

bàn phím

ստեղնաշար
sdeghnashar

ổ cứng

կոշտ սկավառակ
goshd sgavaṙag

thanh USB

USB կոիչ
USB grich'

máy quét

սկաներ
sganer

máy in

տպիչ
dbich‘

màn hình

Էկրան
ēgran

máy tính xách tay

դյուրակիր համակարգիչ
tyuragir hamagarkich‘

rô bốt

ռոբոտ
ropod

loa

բարձրախոս
partsrahos

